

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
- VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
- BỘ CÔNG AN – BỘ QUỐC PHÒNG –
VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-
BCA-BQP-VPCTN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

(Dự thảo 1)

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định về chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân và xem xét bản án
tử hình trước khi thi hành

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chủ tịch nước liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định về chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân và xem xét bản án trước khi thi hành.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định quan hệ phối hợp trong việc rà soát người bị kết án tử hình thuộc diện được chuyển từ hình phạt tử hình thành tù chung thân quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự; việc thực hiện thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với:

- Tòa án;
- Viện kiểm sát;

- c) Văn phòng Chủ tịch nước;
- d) Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Trại giam thuộc Bộ Công an, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh;
- đ) Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;
- e) Người bị kết án tử hình;
- g) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xem xét bản án tử hình trước khi thi hành, rà soát các đối tượng thuộc diện được chuyển từ hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự.
2. Bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa.
3. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng.
4. Tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án tử hình.

Điều 4. Mẫu các văn bản ban hành kèm theo Thông tư liên tịch

1. Đơn xin ân giảm (Mẫu số 01)
2. Thông báo về việc không có quyết định ân giảm của Chủ tịch nước (Mẫu số 02)
3. Quyết định chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân (Mẫu số 03)

CHƯƠNG II CHUYỂN HÌNH PHẠT TỬ HÌNH THÀNH TÙ CHUNG THÂN

Điều 5. Các trường hợp chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân

1. Người phạm tội đã bị kết án tử hình thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự, bao gồm:
 - a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;
 - b) Người đủ 75 tuổi trở lên;
 - c) Người mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối.
2. Người phạm tội đã bị kết án tử hình trước ngày 01/7/2025 về một trong các tội: Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109); Tội gián điệp (Điều 110); Tội phá hoại cơ sở vật chất – kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 114); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250);

Tội tham ô tài sản (Điều 353); Tội nhận hối lộ (Điều 354) và Tội phá hoại hòa bình gây chiến tranh xâm lược (Điều 421).

3. Người phạm tội đã bị kết án tử hình trước ngày 01/7/2025 về Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248) và Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 521), thuộc trường hợp:

a) Khi bị kết án tử hình về Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248) Tòa án căn cứ vào khối lượng, thể tích chất ma túy được xác định trong bản án như sau:

Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam đến dưới 30 kilôgam;

Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam đến dưới 03 kilôgam;

Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam đến dưới 09 kilôgam;

Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit đến dưới 22 lít;

Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các trường hợp nêu trên tại điểm này.

b) Khi bị kết án tử hình về Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 521) Tòa án căn cứ vào khối lượng, thể tích chất ma túy được xác định trong bản án như sau:

Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 30 kilôgam;

Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilôgam;

Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 75 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 600 kilôgam đến dưới 1.200 kilôgam;

Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 150 kilôgam đến dưới 300 kilôgam;

Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 09 kilôgam;

Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit đến dưới 22 lít;

Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các trường hợp nêu trên tại điểm này.

c) Khi bị kết án tử hình Tòa án căn cứ vào khối lượng, thể tích chất ma túy được xác định trong bản án với mức thấp nhất quy định tại khoản 5 Điều 248 hoặc khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 của Luật này mà người phạm tội không phải là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy hoặc không có 02 tình tiết tăng nặng trở lên.

Trường hợp có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 04 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Không chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân đối với người có 03 tình tiết tăng nặng trở lên.

4. Người bị kết án tử hình được Chủ tịch nước quyết định ân giảm.

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp, rà soát đối tượng bị kết án tử hình được chuyển thành tù chung thân

1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã ra bản án sơ thẩm quyết định hình phạt tử hình đối với người bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa thi hành phải tiến hành rà soát tất cả các bản án, lập danh sách người bị kết án và thông báo cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an (qua Cục C11), cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng để cho ý kiến.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo và danh sách người bị kết án tử hình của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng phải cho ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân gửi về Vụ Giám đốc kiểm tra I Tòa án nhân dân tối cao. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân;
- b) Bản án hình sự có hiệu lực pháp luật;
- c) Tài liệu chứng minh người bị kết án tử hình được chuyển thành hình phạt chung thân;
- d) Ý kiến của cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng;
- đ) Các tài liệu khác có liên quan.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị Vụ Giám đốc kiểm tra I Tòa án nhân dân tối cao lập tờ trình báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

5. Trường hợp người chấp hành án phạt tù có quyết định ân giảm của Chủ tịch nước thì ngay khi nhận được quyết định ân giảm Vụ Giám đốc kiểm tra I lập tờ trình báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

6. Thời gian người bị kết án tử hình tạm giam trước khi được chuyển thành tù chung thân được tính vào thời hạn chấp hành án phạt tù.

Điều 7. Phối hợp giải quyết chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân đối với trường hợp người đang chấp hành án phạt tù thuộc trường hợp khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự

1. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự thì giải quyết như sau:

a) Cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng phải lập hồ sơ đề nghị chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân đến Vụ Giám đốc kiểm tra I Tòa án nhân dân tối cao. Đồng thời gửi bản sao hồ sơ đến Vụ Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (Vụ 8) Viện kiểm sát nhân dân tối cao để có ý kiến;

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải có ý kiến gửi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề và văn bản có ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ Giám đốc kiểm tra I Tòa án nhân dân tối cao lập tờ trình báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

2. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù được bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh mà Cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng lập hồ sơ đề nghị chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân thì phải đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét, hủy quyết định bắt buộc chữa bệnh hoặc tiếp tục thi hành biện pháp này nếu có căn cứ.

3. Trường hợp Tòa án nhân dân tối cao đang xem xét hồ sơ đề nghị chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự mà không còn căn cứ này thì không xem xét, chuyển hình phạt tử hình.

4. Trường hợp người bị kết án tử hình mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối đã được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân mà sau đó phát hiện họ không bị ung thư giai đoạn cuối thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền quyết định hủy Quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

5. Quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có hiệu lực thi hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Điều 8. Quyết định xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân

1. Sau khi xem xét hồ sơ và các tài liệu kèm theo, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra một trong các quyết định sau đây:

a) Trường hợp, đối tượng không thuộc diện được chuyển từ hình phạt tử hình thành tù chung thân, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định không chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân, trong đó nêu rõ lý do của việc không chuyển;

b) Trường hợp, đối tượng không thuộc diện được chuyển từ hình phạt tử hình thành tù chung thân, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

2. Quyết định tại khoản 1 Điều này được gửi cho Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp với Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ra quyết định thi hành án hình phạt tù chung thân đối với người được chuyển từ hình phạt tử hình sang hình phạt tù chung thân.

CHƯƠNG III TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT BẢN ÁN TỬ HÌNH TRƯỚC KHI THI HÀNH

Điều 9. Gửi bản án tử hình, hồ sơ vụ án

1. Ngay sau khi bản án tử hình có hiệu lực pháp luật, Tòa án đã ra bản án phải gửi hồ sơ vụ án cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, gửi bản án tử hình cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Trường hợp bản án tử hình bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nhưng nội dung kháng cáo, kháng nghị không liên quan đến hình phạt tử hình thì ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm phải gửi bản án, hồ sơ vụ án cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Xem xét, quyết định về việc kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm bản án tử hình

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định kháng nghị hoặc quyết định không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với bản án tử hình.

2. Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm phải gửi ngay cho Tòa án đã ra bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án hình sự, người bị kết án tử hình và những người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nội dung kháng nghị.

Điều 11. Gửi đơn xin ân giảm

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án tử hình có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được quyết định không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, người bị kết án tử hình được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

Đơn xin ân giảm đồng thời được gửi cho Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Sau khi hết thời hạn kháng cáo hoặc hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án tử hình có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã xét xử sơ thẩm không nhận được kháng cáo hoặc đơn xin ân giảm hình phạt tử hình của người bị kết án tử hình, thì Tòa án đã xét xử sơ thẩm phối hợp với trại tạm giam, phân trại thuộc trại tạm giam hoặc trại giam nơi đang giam giữ người bị kết án tử hình xác minh về việc người bị kết án tử hình có làm đơn kháng cáo hoặc có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình trong thời hạn hay không.

Việc xác minh phải được lập biên bản ghi đầy đủ, cụ thể nội dung yêu cầu của họ (kháng cáo xin giảm hình phạt, kêu oan hay chỉ xin ân giảm hình phạt tử hình) hoặc ghi rõ việc không kháng cáo và cũng không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình. Biên bản phải có chữ ký của cán bộ Tòa án, cán bộ trại tạm giam, phân trại thuộc trại tạm giam hoặc trại giam, chữ ký (hoặc điểm chỉ) của người bị kết án tử hình, người làm chứng, người phiên dịch (nếu có). Biên bản phải có xác nhận của Ban giám thị trại tạm giam, phân trại thuộc trại tạm giam hoặc trại giam và đóng dấu của trại tạm giam, phân trại thuộc trại tạm giam hoặc trại giam. Trường hợp người bị kết án tử hình không chịu ký tên (hoặc điểm chỉ) thì phải ghi cụ thể lý do.

a) Trường hợp kết quả xác minh cho thấy người bị kết án tử hình có làm đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo, nhưng bị thất lạc, thì trong biên bản xác minh cần ghi tóm tắt nội dung kháng cáo của họ và cho họ viết lại đơn kháng cáo. Biên bản xác minh cùng hồ sơ vụ án phải được gửi ngay cho Tòa án cấp phúc thẩm để xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

b) Trường hợp kết quả xác minh cho thấy người bị kết án tử hình không làm đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo, nhưng khi xác minh người bị kết án tử hình muốn làm đơn kháng cáo, thì cho họ làm đơn kháng cáo và yêu cầu họ nêu rõ lý do của việc kháng cáo quá hạn. Biên bản xác minh và đơn kháng cáo

quá hạn phải được gửi ngay cùng hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm để xem xét việc chấp nhận hay không chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn.

c) Trường hợp kết quả xác minh cho thấy người bị kết án tử hình không làm đơn kháng cáo mà có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình đúng thời hạn, nhưng bị thất lạc, thì trong biên bản xác minh cần ghi tóm tắt nội dung đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và cho họ viết lại đơn xin ân giảm hình phạt tử hình. Biên bản xác minh cùng hồ sơ vụ án (nếu hồ sơ vụ án chưa gửi) phải được gửi ngay lên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

d) Trường hợp kết quả xác minh cho thấy người bị kết án tử hình không làm đơn kháng cáo và cũng không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình trong thời hạn luật định, nhưng khi xác minh, người bị kết án tử hình muốn làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình, thì cần giải thích cho họ biết quy định của pháp luật về thời hạn làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình. Sau đó cho họ làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và yêu cầu họ nêu rõ lý do của việc muốn làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình quá thời hạn luật định. Biên bản xác minh cùng hồ sơ vụ án (nếu hồ sơ vụ án chưa gửi) phải được gửi ngay lên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

3. Trường hợp hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Ban giám thị Trại tạm giam (Trại giam) giao quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm cho người bị kết án tử hình mà Tòa án nhân dân tối cao không nhận được đơn xin ân giảm hình phạt tử hình của người bị kết án thì Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Tòa án đã xét xử sơ thẩm phối hợp với trại tạm giam, phân trại thuộc trại tạm giam hoặc trại giam nơi đang giam giữ người bị kết án tử hình xác minh về việc người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình hay không theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12. Trình tự, thủ tục Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước về việc xét đơn xin ân giảm

1. Ngay sau khi nhận được đơn xin ân giảm của người bị kết án tử hình, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đơn cùng các tài liệu kèm theo đến Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để có ý kiến.

2. Sau khi nhận được đơn và tài liệu kèm theo, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm xem xét đơn và có ý kiến đề xuất việc có ân giảm hay không.

Trong quá trình xem xét, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc xem xét đơn.

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được đơn và tài liệu, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải trình Chủ tịch nước ý kiến về việc xét đơn xin ân giảm.

Điều 13. Xét đơn xin ân giảm của Chủ tịch nước

1. Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày nhận được ý kiến của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch nước quyết định ân giảm cho người bị kết án tử hình theo chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước. Trường hợp, Chủ tịch nước không có quyết định ân giảm trong thời hạn này thì Văn phòng Chủ tịch nước ra văn bản Thông báo về việc không có quyết định ân giảm của Chủ tịch nước.

2. Thông báo về việc không có quyết định ân giảm của Chủ tịch nước được gửi cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm, người bị kết án tử hình.

3. Ngay sau khi nhận được Thông báo về việc không có quyết định ân giảm của Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm tổ chức việc thi hành bản án tử hình theo quy định.

Điều 14. Thi hành bản án tử hình

Bản án tử hình được thi hành khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Người bị kết án tử hình không làm đơn xin ân giảm và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, quyết định không kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và thông báo không có quyết định ân giảm của Chủ tịch nước của cơ quan có thẩm quyền.

3. Người bị kết án tử hình không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định giám đốc thẩm hoặc quyết định tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình.

4. Người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định giám đốc thẩm hoặc quyết định tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình và thông báo không có quyết định ân giảm của Chủ tịch nước của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025./.

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**

**KT. CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư pháp;
- Các TAND và TAQS;
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC;
- Cổng thông tin điện tử của các Bộ, ngành: TANDTC, VKSNDTC, BCA, BQP;
- Lưu: VT (TANDTC, VKSNDTC, BCA, BQP).